

Số: 85/QĐ-UBND

Phú Quốc, ngày 27 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố, công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi ngân sách
thành phố năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách

Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Phú Quốc về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách thành phố Phú Quốc năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Phú Quốc về việc phân bổ dự toán chi ngân sách thành phố Phú Quốc năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Phú Quốc về việc phê chuẩn điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch tại Tờ trình số 194/TTr-PTCKH ngày 12 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi ngân sách thành phố năm 2024, có phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. / *Tw*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Thành ủy;
- Lãnh đạo HĐND-UBND thành phố;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố;
- Tòa án nhân dân thành phố;
- Cơ quan các đoàn thể thành phố;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP, đ/c Hưng;
- Lưu: VT *Tw*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Quang Hưng



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2024 TRÌNH ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Quyết định số: 155/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI	TỔNG DỰ TOÁN CHI NĂM 2024	DỰ TOÁN CHI NĂM 2024 TRÌNH ĐIỀU CHỈNH	CHÊNH LỆCH	
				TƯƠNG ĐỐI (%)	SỐ TUYỆT ĐỐI
1	2	3	4	5	6
	TỔNG CHI	1.994.731.415.242	2.780.620.617.649	39,40	785.889.202.407
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	1.994.731.415.242	2.780.620.617.649	39,40	785.889.202.407
I	Chi đầu tư phát triển	1.305.334.000.000	1.672.211.854.554	28,11	366.877.854.554
1	Chi XDCB vốn tỉnh phân cấp	155.334.000.000	155.334.000.000	-	-
-	Vốn xố số kiến thiết theo KH	86.700.000.000	86.700.000.000	-	-
-	Nguồn tiền sử dụng đất nộp tỉnh (40%)	17.634.000.000	17.634.000.000	-	-
-	Vốn CPNS địa phương KH	51.000.000.000	51.000.000.000	-	-
2	Chi XDCB vốn ngân sách thành phố	1.150.000.000.000	1.150.000.000.000	-	-
-	Nguồn tiền sử dụng đất tỉnh giao (60%)	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-
-	Nguồn vốn ngân sách thành phố bổ sung thực hiện ghi thu ghi chi	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	-	-
	Trong đó: Ghi thu ghi chi tiền đất	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	-	-
3	Nguồn vốn được phép kéo dài từ năm 2023 sang năm 2024	-	366.877.854.554		366.877.854.554
3.1	Nguồn vốn Trung ương và tỉnh	-	31.195.690.718		31.195.690.718
3.1.1	Nguồn vốn Cân đối ngân sách địa phương		3.212.141.135		3.212.141.135
3.1.2	Nguồn tỉnh bổ sung xố số kiến thiết		27.983.549.583		27.983.549.583
3.2	Chi XDCB vốn thành phố	-	335.682.163.836		335.682.163.836
3.2.1	chuyển nguồn tạm ứng Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		115.482.163.836		115.482.163.836
3.2.2	Bổ từ từ nguồn kết dư 60% tiền sử dụng đất tại ngân sách thành phố		220.200.000.000		220.200.000.000
II	Chi thường xuyên (1+2+...+12)	548.709.415.242	958.202.177.531	74,63	409.492.762.289
1	Chi Sự nghiệp kinh tế	144.850.351.342	526.340.104.070	263,37	381.489.752.728
2	SN Khoa học công nghệ				-
3	Chi Sự nghiệp môi trường, du lịch	73.000.000.000	73.000.000.000	-	-
4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	253.798.678.206	274.030.410.413	7,97	20.231.732.207
5	Chi SN y tế, dân số và gia đình				
6	Chi SN văn hóa thông tin	6.372.910.815	6.413.885.906	0,64	40.975.091
7	Chi SN thể dục thể thao	577.471.875	577.471.875	-	-
8	Chi SN phát thanh, truyền hình	1.348.676.250	1.348.676.250	-	-
9	Chi SN Đảm bảo Xã hội:	10.121.000.000	13.120.826.082	29,64	2.999.826.082
10	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	49.628.849.254	50.629.523.299	2,02	1.000.674.045
11	Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội	5.242.477.500	8.972.279.636	71,15	3.729.802.136
12	Chi khác	3.769.000.000	3.769.000.000	-	-
III	Chi thực hiện cải cách tiền lương	60.000.000.000	61.593.845.564	2,66	1.593.845.564
IV	Chi khen thưởng	2.500.000.000	2.570.840.000	2,83	70.840.000
V	Chi dự phòng:	12.538.000.000	12.538.000.000	-	-
VI	Chi trợ cấp NS xã	65.650.000.000	73.503.900.000	11,96	7.853.900.000
B	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				
C	CHI TỪ NGUỒN TĂNG THU	-	-		
D	CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH				
E	CHI CHUYỂN NGUỒN				-